

THƯ MỤC

TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU TÀI CHÍNH KẾ TOÁN SỐ 10 NĂM 2017

Trung tâm Thông tin Thư viện trân trọng giới thiệu Thư mục Tạp chí Nghiên cứu Tài chính kế toán số 10 năm 2017.

1. Nợ công ở Việt Nam: Bất cập từ quản lý, những nguyên nhân và giải pháp/ Vũ Thị Bích Thủy// Tạp chí Nghiên cứu Tài chính kế toán .- Số 10/2017 .- Tr. 5 – 7

Tóm tắt: Nợ công xuất phát từ nhu cầu chi tiêu của chính phủ; khi chi tiêu của chính phủ lớn hơn số thuế, phí, lệ phí thu được, Nhà nước phải đi vay (trong hoặc ngoài nước) để trang trải thâm hụt ngân sách. Các khoản vay này sẽ phải hoàn trả gốc và lãi khi đến hạn. Nhà nước sẽ phải thu thuế tăng lên để bù đắp. Vì vậy, suy cho cùng nợ công chỉ là sự lựa chọn thời gian đánh thuế: hôm nay hay ngày mai, thế hệ này hay thế hệ khác. Vay nợ thực chất là đánh thuế dần dần, được hầu hết chính phủ các nước sử dụng để tài trợ cho các hoạt động chi ngân sách. Nợ chính phủ thể hiện sự chuyển giao của cải từ thế hệ sau (thế hệ phải trả thuế cao) cho thế hệ hiện tại (thế hệ được giảm thuế). Bài viết đi vào phân tích những bất cập hiện nay về quản lý nợ công và từ đó đưa ra một vài giải pháp.

Từ khóa: Quản lý nợ công; Tăng trưởng kinh tế; Tái cơ cấu ngân sách

2. Chính sách tài chính đối với thị trường khoa học công nghệ/ Nguyễn Mạnh Thiều, Nguyễn Đào Tùng// Tạp chí Nghiên cứu Tài chính kế toán .- Số 10/2017 .- Tr. 8 – 11

Tóm tắt: Một thị trường thành công không thể phát triển một cách tự phát nếu thiếu sự can thiệp và hỗ trợ của Nhà nước. Thị trường khoa học công nghệ (KH&CN) cũng không phải là ngoại lệ, và một trong những chính sách đóng vai trò quan trọng được Nhà nước sử dụng một cách hữu hiệu chính là hệ thống chính sách tài chính đối với thị trường này. Bài viết dưới đây đề cập đến nội dung của một số chính sách tài chính điển hình được sử dụng để hỗ trợ phát triển thị trường KH&CN, thông qua cơ chế tác động của nó tới các yếu tố cơ bản của thị trường này, cụ thể đó là: Chính sách thuế và thu NSNN, Chính sách chi NSNN, Chính sách tín dụng đầu tư Nhà nước và chính sách xã hội hóa nguồn lực tài chính đầu tư phát triển thị trường KH&CN.

Từ khóa: Chính sách tài chính; Thị trường KH&CN

3. Nghiên cứu bản chất của thị trường khoa học và công nghệ và những vấn đề đặt ra đối với phát triển thị trường khoa học và công nghệ/ Nguyễn Trọng Cơ// Tạp chí Nghiên cứu Tài chính kế toán .- Số 10/2017 .- Tr. 12 – 16

Tóm tắt: Thị trường khoa học và công nghệ (KH&CN) có những đặc điểm riêng khác biệt so với các thị trường khác. Bài viết này nhằm nghiên cứu sâu hơn bản chất của thị trường khoa học và công nghệ cũng như đặt ra những vấn đề phát triển thị trường khoa học và công nghệ Việt Nam hiện nay.

Từ khóa: Bản chất; Thị trường; Khoa học và công nghệ

4. Đánh giá kiểm soát nội bộ của ngân hàng thương mại: Sự cần thiết và một số khuyến nghị/ Phạm Thanh Thủy// Tạp chí Nghiên cứu Tài chính kế toán .- Số 10/2017 .- Tr. 17 – 20

Tóm tắt: Thực hiện Thông tư 44/2011/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ và kiểm toán nội bộ của tổ chức tín dụng, chi ngân sách nhà nước ngoài, hệ thống kiểm soát nội bộ trong các ngân hàng thương mại Việt Nam đứng trước yêu cầu phát triển mới. Cùng với việc hội nhập quốc tế về mặt kinh tế Việt Nam nói chung, trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng nói riêng, việc nâng cao chất lượng hệ thống kiểm soát nội bộ để đảm bảo an toàn trong hoạt động của ngân hàng và của toàn bộ hệ thống tài chính – ngân hàng đã trở thành vấn đề cấp thiết. Một trong những yêu cầu để có thể thiết kế, vận hành và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ có hiệu quả và hiệu lực chính là việc thường xuyên tiến hành đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ.

Từ khóa: Đánh giá kiểm soát nội bộ; Ngân hàng thương mại

5. Thách thức của các ngân hàng khi áp dụng trụ cột thứ ba của Basel II – Khuyến nghị đối với các ngân hàng thương mại Việt Nam/ Đặng Quang Tuyền// Tạp chí Nghiên cứu Tài chính kế toán .- Số 10/2017 .- Tr. 21 – 25

Tóm tắt: Việc các ngân hàng thương mại Việt Nam áp dụng tiêu chuẩn Basel II là một xu thế tất yếu và bắt buộc khi Việt Nam hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới. Thực tế đã chứng minh, chuẩn mực Basel II là giải pháp tối ưu để các ngân hàng thương mại trụ vững trước những biến động khó lường của thị trường tài chính. Với trụ cột thứ ba yêu cầu về kỷ luật thị trường, việc áp dụng nó sẽ mang đến cho các ngân hàng thương mại những thách thức cũng như cơ hội để hoàn thiện hệ thống quản lý, tăng cường trách nhiệm các báo cáo được công bố. Áp dụng chuẩn mực về báo cáo, công bố thông tin theo Basel II sẽ tạo cơ hội cho các ngân hàng thương mại Việt Nam tiếp cận với các nhà đầu tư nước ngoài, thu hút vốn đầu tư nước ngoài và hoàn thiện quy trình làm việc theo chuẩn mực quốc tế.

Từ khóa: Basel II; Trụ cột thứ ba; Công bố thông tin

6. Công cụ tài chính, kế toán phát triển thị trường khoa học và công nghệ/ Ngô Thanh Hoàng// Tạp chí Nghiên cứu Tài chính kế toán .- Số 10/2017 .- Tr. 26 – 30

Tóm tắt: Công cụ tài chính, kế toán phát triển thị trường khoa học và công nghệ bao gồm: Công cụ thu, chi ngân sách nhà nước (NSNN), công cụ tín dụng nhà nước và đặc biệt là công cụ kế toán nhằm thúc đẩy hạch toán đúng, đủ, kịp thời thúc đẩy nguồn cung khoa học công nghệ (KH&CN) và các công cụ này đồng thời hỗ trợ thị trường ở các thành tố cung, cầu và định chế trung gian nhằm xác định việc cung cầu các sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ KH&CN theo quy luật giá trị, quy luật cung cầu thúc đẩy thị trường KH&CN phát triển trong điều kiện Việt Nam hiện nay và những năm tới. Bài viết này đề cập đến công cụ trọng yếu là công cụ kế toán trong đơn vị cung ứng sản phẩm KH&CN hiện nay đó là kế toán hành chính sự nghiệp (HCSN), hoàn thiện công cụ này cho phép các sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ KH&CN của khu vực công tham gia thị trường qua đó là cú “huých” đầu tiên thúc đẩy thị trường KH&CN phát triển.

Từ khóa: Thị trường khoa học công nghệ; Công cụ; Tài chính kế toán

7. Các nhân tố ảnh hưởng quyết định lựa chọn phần mềm kế toán tại các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Trà Vinh/ Phạm Văn Cà// Tạp chí Nghiên cứu Tài chính kế toán .- Số 10/2017 .- Tr. 31 – 34

Tóm tắt: Nghiên cứu khảo sát 220 doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) trên địa bàn tỉnh Trà Vinh (gồm Giám đốc/phó giám đốc, kế toán trưởng, kế toán viên). Nghiên cứu được thực hiện trên cơ sở tiếp cận lý thuyết kết hợp ISS, TPB và TAM thông qua phương pháp phân tích nhân tố và hồi quy bội, để xác định nhóm yếu tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn PMKT. Kết quả nghiên cứu cho thấy, quyết định lựa chọn gói PMKT có 4 yếu tố tác động gồm: (i) chất lượng PMKT, (ii) giá phí PMKT, (iii) khả năng của nhà cung cấp, (iv) yêu cầu của người sử dụng PMKT.

Từ khóa: Phần mềm kế toán; Doanh nghiệp nhỏ và vừa

8. Huy động nguồn lực tài chính từ vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài để phát triển thị trường bất động sản Việt Nam hiện nay/ Nguyễn Hồ Phi Hà// Tạp chí Nghiên cứu Tài chính kế toán .- Số 10/2017 .- Tr. 35 – 41

Tóm tắt: Để khơi thông dòng vốn cho thị trường bất động sản (TTBĐS), bên cạnh nguồn vốn trong nước đóng vai trò quyết định, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) cũng là một trong những nguồn vốn quan trọng, luôn có những đóng góp tích cực đối với sự phát triển của thị trường. Vậy thực trạng huy động nguồn lực tài chính từ vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài để phát triển TTBĐS Việt Nam hiện nay ra sao? Và làm thế nào để nâng cao khả năng thu hút FDI cho TTBĐS? Bài viết tập trung nghiên cứu, đánh giá thực trạng huy động nguồn lực tài chính từ FDI để phát triển TTBĐS, từ đó đề xuất một số giải pháp để phát huy nguồn lực tài chính cho TTBĐS Việt Nam từ kênh FDI.

Từ khóa: Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài; Thị trường bất động sản

9. Nghiên cứu mức độ hài hòa giữa chuẩn mực kế toán hàng tồn kho và tài sản cố định của Việt Nam và quốc tế/ Phạm Xuân Thành// Tạp chí Nghiên cứu Tài chính kế toán .- Số 10/2017 .- Tr. 42 – 45

Tóm tắt: Trong hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS), có một số chuẩn mực quan trọng đối với việc lập báo cáo tài chính (BCTC) như tài sản và hàng tồn kho, nhưng từ khi ban hành cho đến nay các chuẩn mực này chưa hề được điều chỉnh cho phù hợp với những thay đổi của thực tiễn, cũng như để bắt kịp với những thay đổi của chuẩn mực kế toán quốc tế (IAS/IFRS). Hàng tồn kho và tài sản cố định (TSCĐ) là những khoản mục quan trọng không chỉ trên báo cáo nội bộ mà còn trên cả bảng cân đối kế toán. Do đó, sự khác biệt giữa VAS và quốc tế sẽ có ảnh hưởng lớn đến việc lập và trình bày BCTC. Trước thực tế đó, bài viết lựa chọn 3 chuẩn mực để nghiên cứu: Hàng tồn kho, TSCĐ hữu hình; TSCĐ vô hình.

Từ khóa: Hài hòa chuẩn mực kế toán; VAS; IAS; Báo cáo tài chính; Tài sản cố định

10. Những vấn đề mà Start-up phải đối mặt khi tiến hành gọi vốn/ Bùi Thu Hà// Tạp chí Nghiên cứu Tài chính kế toán .- Số 10/2017 .- Tr. 46 – 48

Tóm tắt: Start-up hay khởi nghiệp sáng tạo là một cụm từ không còn xa lạ trong vài năm trở lại đây; tuy vậy, Start-up là gì thì không phải ai cũng hiểu rõ. Không ít người cho rằng, Start-up đơn giản là sự khởi đầu của một công việc kinh doanh, hoặc một doanh nghiệp nhỏ; tuy nhiên, thực tế không hẳn như vậy. Giống như các doanh nghiệp thông thường, muốn thực hiện được kế hoạch khởi nghiệp thì các Start-up cũng đều phải tìm cách giải quyết bài toán về vốn. Vậy, họ sẽ phải đối mặt với những điều gì trong hành trình tìm kiếm nguồn tài trợ? Bài viết này sẽ phần nào giúp giải đáp những vấn đề nêu ra ở trên.

Từ khóa: Khởi nghiệp sáng tạo; Gọi vốn; Các vấn đề pháp lý; Các hình thức huy động vốn

11. Xếp hạng tín dụng doanh nghiệp tại các ngân hàng thương mại Việt Nam hiện nay/ Nguyễn Thế Anh// Tạp chí Nghiên cứu Tài chính kế toán .- Số 10/2017 .- Tr. 49 – 52

Tóm tắt: Trong kinh doanh, hoạt động tín dụng là hoạt động chủ yếu tạo ra lợi nhuận cho các ngân hàng thương mại. Tuy nhiên, cũng có những rủi ro trong hoạt động này, gây thiệt hại lớn cho ngân hàng. Quản lý rủi ro, đặc biệt là rủi ro tín dụng, là yêu cầu để ổn định và phát triển ngân hàng thương mại. Xếp hạng tín dụng là một trong những công cụ để quản lý rủi ro tín dụng một cách hợp lý và có hiệu quả được các ngân hàng thương mại áp dụng và thực hiện.

Từ khóa: Xếp hạng tín dụng; Rủi ro tín dụng

12. Nhân tố tác động đến khả năng vận dụng thành công phương pháp kế toán ABC trong các doanh nghiệp/ Ngô Văn Hậu, Đỗ Thị Thu Hiền// Tạp chí Nghiên cứu Tài chính kế toán .- Số 10/2017 .- Tr. 53 – 57

Tóm tắt: Việc xác định đúng và đầy đủ chi phí sản xuất ngày càng trở nên quan trọng đặt ra cho kế toán quản trị chi phí trong doanh nghiệp. Trước tình hình đó, nhiều doanh nghiệp đã và đang triển khai vận dụng phương pháp xác định chi phí dựa trên hoạt động thay thế cho phương pháp xác định chi phí truyền thống (phương pháp xác định chi phí theo quá trình hay phương pháp xác định chi phí dựa trên khối lượng). Vận dụng phương pháp này không những phân bổ chi phí gián tiếp chính xác hơn mà còn giúp nhà quản trị biết được nguồn gốc phát sinh chi phí, biết được những hoạt động làm phát sinh chi phí tạo ra giá trị và những hoạt động làm phát sinh chi phí nhưng không tạo ra giá trị, để từ đó có kế hoạch sử dụng và quản trị chi phí một cách hiệu quả nhất. Ưu việt là vậy, nhưng không phải doanh nghiệp nào vận dụng phương pháp xác định chi phí dựa trên hoạt động cũng mang lại hiệu quả như mong muốn. Do vậy, nếu kế toán quản trị chi phí có sự am hiểu về điều kiện và các yếu tố tác động đến sự thành công của phương pháp ABC, sẽ có khả năng đánh giá được hiệu quả khi vận dụng phương pháp này vào thực tế ở doanh nghiệp mình. Điều đó thực sự cần thiết ở doanh nghiệp đang nghiên cứu để triển khai vận dụng phương pháp quản trị chi phí theo hoạt động thay thế cho phương pháp truyền thống.

Từ khóa: Nhân tố tác động; phương pháp ABC; Doanh nghiệp

13. Các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng thanh khoản của ngân hàng thương mại Việt Nam/ Hà Văn Dũng, Nguyễn Văn Tùng// Tạp chí Nghiên cứu Tài chính kế toán .- Số 10/2017 .- Tr. 58 – 63

Tóm tắt: Hiện nay, áp lực về thanh khoản của các ngân hàng thương mại (NHTM) Việt Nam ngày càng cao do tính cạnh tranh trên thị trường tài chính không ngừng gia tăng. Xác định những yếu tố tác động đến khả năng thanh khoản của các NHTM tại Việt Nam, bài viết cung cấp bằng chứng thực nghiệm cho các nhà quản lý để từ đó có thể ra các quyết định chính xác trong quản trị hoạt động thanh khoản của ngân hàng. Các phương pháp ước lượng được sử dụng là FEM, REM và FGLS cho dữ liệu bảng, giai đoạn 2005-2015. Kết quả nghiên cứu cho thấy khả năng thanh khoản của NHTM tại Việt Nam trong giai đoạn nghiên cứu chịu tác động của các yếu tố : quy mô ngân hàng, tỷ lệ dự phòng rủi ro tín dụng, tỷ lệ vốn chủ sở hữu trên tổng tài sản, tỷ lệ sinh lời biên, dư nợ cho vay trên tổng tài sản, tỷ lệ chi phí hoạt động trên thu nhập, tốc độ tăng trưởng GDP và tỷ lệ lạm phát.

Từ khóa: Khả năng thanh khoản; Ngân hàng thương mại

14. Tiếp cận đa chiều đánh giá chính sách tài chính khuyến khích phát triển chuỗi liên kết thủy sản trong bối cảnh hội nhập TTP/ Đỗ Thị Phi Hoài, Đỗ Khắc Hương, Trần Ngọc Hùng, Đinh Xuân Lập// Tạp chí Nghiên cứu Tài chính kế toán .- Số 10/2017 .- Tr. 64 – 70

Tóm tắt: Hiệp định TTP được xem là mẫu hình mới cho các hiệp định tự do thương mại, do vậy, nhiều nghiên cứu cũng cho rằng, cho dù TTP không được các thành viên phê chuẩn thì nó vẫn là bối cảnh tốt tạo tiền đề cho các hiệp định tự do thương mại trong tương lai gần bởi mô hình thiết kế Hiệp định TPP được phát triển trên cơ sở WTO nhưng có những thay đổi được kỳ vọng là giảm thiểu những bất cập thường được nhắc tới trong WTO. Theo đánh giá của các nghiên cứu trong và ngoài nước, trong bối cảnh hội nhập TPP, thủy sản của Việt Nam là ngành có được lợi thế lớn nhất. Tuy nhiên, bên cạnh đó, sản phẩm thủy sản sẽ phải đối mặt với những biện pháp phòng vệ quyết liệt hơn bao gồm các rào cản kỹ thuật, rào cản an toàn vệ sinh thực phẩm, rào cản về các biện pháp phòng vệ thương mại như chống bán phá giá, chống trợ cấp... Muốn vượt qua thách thức, Việt Nam cần có những phương thức tiếp cận mới trong tạo lập chính sách, đặc biệt là các chính sách tài chính. Vì vậy, việc tiếp cận đa chiều đánh giá chính sách tài chính sẽ mang lại giá trị thiết thực trong việc khuyến khích phát triển chuỗi liên kết thủy sản.

Từ khóa: Chính sách tài chính; Chuỗi giá trị thủy sản

15. Kinh nghiệm điều hành chính sách tiền tệ của Nhật Bản nhằm duy trì ổn định tốc độ tăng trưởng kinh tế và hàm ý cho Việt Nam/ Trần Mạnh Tiến// Tạp chí Nghiên cứu Tài chính kế toán .- Số 10/2017 .- Tr. 71 – 73

Tóm tắt: Với chính sách kinh tế “Abenomics” của Thủ tướng Abe, ông đã đưa Nhật Bản thoát khỏi tình trạng giảm phát, trong đó thực thi các chính sách nới lỏng tiền tệ nhằm hạ giá đồng nội tệ nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh của hàng hóa xuất khẩu. Sau một thời gian, Nhật Bản đã thành công trong việc làm cho đồng Yên hạ giá và nâng giá cổ phiếu trên thị trường chứng khoán. Và qua gần 5 năm nắm quyền của Thủ tướng Abe kinh tế Nhật Bản đã tạo ra nhiều dấu ấn. Nhưng để nền kinh tế Nhật Bản thực sự “tỏa sáng”... thì những người chèo lái đất nước vẫn còn nhiều việc phải làm... Bài viết sẽ đưa ra kinh nghiệm điều hành chính sách tài chính của Nhật Bản và từ đó có những gợi mở chính sách cho Việt Nam.

Từ khóa: Chính sách tài chính; Chính sách nới lỏng tiền tệ; Chính sách kinh tế “Abenomics”

16. Nhiều giải pháp từ Chính phủ đẩy nhanh giải ngân nguồn vốn ODA/ Phạm Thái Hà// Tạp chí Nghiên cứu Tài chính kế toán .- Số 10/2017 .- Tr. 77 – 76

Tóm tắt: Nguồn vốn ODA là nguồn vốn tốt cho bất kỳ quốc gia nào bởi được vay ưu đãi với lãi suất thấp trong thời gian dài. Thời gian qua, việc sử dụng có hiệu quả nguồn vốn

ODA đã góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội nước ta phát triển. Tuy nhiên, có một thực tế diễn ra nhiều năm lại đây dòng vốn ODA và những dòng vốn từ nước ngoài tài trợ cho những dự án được giải ngân chậm. Theo báo cáo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, tính đến thời điểm hiện tại, tốc độ giải ngân vốn đầu tư công chậm chạp vẫn là điểm nghẽn lớn nhất của tăng trưởng trong năm 2017. Giải ngân vốn ODA và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài lũy kế đến ngày 24/8/2017 thấp hơn khoảng 15% so với mức cùng kỳ năm 2016. Bài viết sẽ phân tích một số nguyên nhân và nêu ra một số giải pháp của Chính phủ nhằm thúc đẩy nhanh giải ngân nguồn vốn ODA.

Từ khóa: ODA; Nguồn vốn viện trợ; Giải ngân

Trung tâm Thông tin Thư viện